

CÔNG TY TNHH MTV HOA TIÊU HÀNG HẢI KHU VỰC IX

MST: 3 5 0 0 9 9 7 9 7 3

Báo cáo tài chính đã được kiểm toán

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2020



MỤC LỤC

	<u>Trang</u>
1. THÔNG TIN CHUNG	1 - 2
2. BÁO CÁO CỦA GIÁM ĐỐC	3 - 3
3. BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 - 5
4. BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
4.1 Bảng cân đối kế toán	6 - 9
4.2 Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	10 - 10
4.3 Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	11 - 12
4.4 Thuyết minh báo cáo tài chính	13 - 23

399
C
T
M
CH
Đ
T
AU

CÔNG TY TNHH MTV HOA TIÊU HÀNG HẢI KHU VỰC IX

Số 279 đường 3/2, Phường 11, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

THÔNG TIN CHUNG**CÔNG TY**

Công ty TNHH MTV Hoa tiêu hàng hải khu vực IX (sau đây gọi tắt là "Công ty") tiền thân là Công ty Hoa tiêu khu vực IX, là công ty Nhà nước được thành lập theo Quyết định số 1552/QĐ-BGTVT ngày 02 tháng 6 năm 2008 thuộc Bộ Giao thông Vận tải. Ngày 25 tháng 6 năm 2010, Bộ Giao thông vận tải ban hành Quyết định số 1769/QĐ-BGTVT về việc chuyển đổi Công ty Hoa tiêu khu vực IX thành Công ty TNHH Một thành viên Hoa tiêu Hàng hải khu vực IX.

Ngày 24 tháng 10 năm 2011 theo quyết định số 2399/QĐ-BGTVT của Bộ trưởng Bộ Giao thông Vận tải, Công ty TNHH MTV Hoa tiêu Hàng hải khu vực IX được chuyển về làm đơn vị thành viên của Tổng công ty Bảo đảm an toàn hàng hải miền Nam.

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3500997973 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp lần đầu ngày 02 tháng 12 năm 2008, và theo các Giấy Chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp điều chỉnh sau:

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp	Số giấy chứng nhận	Ngày cấp	Vốn điều lệ (VND)
Đăng ký lần đầu	3500997973	02/12/2008	28.018.072.422
Điều chỉnh lần thứ nhất	3500997973	29/10/2010	28.018.072.422
Điều chỉnh lần thứ hai	3500997973	01/10/2012	28.018.072.422
Điều chỉnh lần thứ ba	3500997973	19/03/2015	28.018.072.422
Điều chỉnh lần thứ tư	3500997973	03/07/2017	28.018.072.422
Điều chỉnh lần thứ năm	3500997973	21/03/2019	37.828.672.422

Chủ sở hữu	Giá trị vốn góp (VND)	Tỷ lệ (%)
Tổng công ty Bảo đảm an toàn Hàng hải Miền Nam	37.828.672.422	100,00

Hoạt động chính được đăng ký theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp:

- Cung cấp dịch vụ dẫn dắt tàu biển ra vào cảng, khu neo đậu tàu, chuyển tải thuộc khu vực dầu khí phía Nam và các tuyến dẫn tàu được giao;
- Dịch vụ đào tạo hoa tiêu và cung ứng lao động;
- Dịch vụ lai dắt tàu biển;
- Dịch vụ đại lý và môi giới hàng hải; Kinh doanh cơ sở lưu trú du lịch; Kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa; Cho thuê phương tiện vận tải đường bộ, đường thủy.

TRỤ SỞ CHÍNH

Địa chỉ : Số 279 đường 3/2, Phường 11, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu
Điện thoại : (0254) 3 527 117
Fax : (0254) 3 527 111
Mã số thuế : 3 5 0 0 9 9 7 9 7 3

CHỦ TỊCH, BAN GIÁM ĐỐC VÀ KẾ TOÁN TRƯỞNG

Các thành viên điều hành trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

	Chức vụ	Bổ nhiệm	Miễn nhiệm	Ghi chú
Ông Vũ Tiến Việt	Chủ tịch	01/11/2017	-	-
Ông Phan Minh Tuấn	Giám đốc	01/11/2017	-	-
Bà Lê Thị Thu Hằng	Phó Giám đốc	16/01/2019	-	-
Bà Nguyễn Thị Mộng Hằng	Kế toán trưởng	23/12/2010	01/01/2021	Điều chuyển công tác

Bà Thái Thị Hoa, Phó Trưởng phòng Kế toán - Tài chính được giao nhiệm vụ Phụ trách kế toán Công ty TNHH MTV Hoa tiêu hàng hải Khu vực IX kể từ ngày 01/01/2021 theo Quyết định số 365/QĐ-CTHTHHKV IX ngày 28/12/2020.

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này là ông Phan Minh Tuấn.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Kiểm toán FAC - chi nhánh Đệ Nhất là công ty kiểm toán cho Công ty.

CÔNG TY TNHH MTV HOA TIÊU HÀNG HẢI KHU VỰC IX

Số 279 đường 3/2, Phường 11, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty TNHH MTV Hoa tiêu hàng hải khu vực IX (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo này và Báo cáo tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2020.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc cần phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các Chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những Chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động;
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với Chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Giám đốc, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



Phan Minh Tuấn

Giám đốc

Bà Rịa Vũng Tàu, ngày 01 tháng 02 năm 2021

Số: 01 /2021/BCTC-FAC.VT

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: CHỦ SỞ HỮU, CHỦ TỊCH VÀ BAN GIÁM ĐỐC
CÔNG TY TNHH MTV HOA TIÊU HÀNG HẢI KHU VỰC IX

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty TNHH MTV Hoa tiêu hàng hải khu vực IX (gọi tắt là "Công ty") được lập ngày 01 tháng 02 năm 2021, từ trang 6 đến trang 23, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (tiếp theo)

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty TNHH MTV Hoa tiêu hàng hải khu vực IX tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN FAC

CHI NHÁNH ĐỆ NHẤT



Lê Minh Lưu - Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 0702-2018-099-1

Bà Rịa Vũng Tàu, ngày 01 tháng 02 năm 2021

Nguyễn Văn Hoàng - Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 4299-2018-099-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính : VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		11.557.656.293	12.901.845.876
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	713.385.286	1.473.512.133
1. Tiền	111		713.385.286	1.473.512.133
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		8.400.000.000	9.828.168.536
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	5	8.400.000.000	9.828.168.536
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		2.347.363.094	1.459.517.414
1. Phải thu ngắn hạn khách hàng	131	6	1.825.724.279	1.107.617.409
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		-	-
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	7	521.638.815	351.900.005
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		-	-
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		-	-
1. Hàng tồn kho	141		-	-
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		96.907.913	140.647.793
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	-
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	-
3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153	12	96.907.913	140.647.793
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

CÔNG TY TNHH MTV HOA TIÊU HÀNG HẢI KHU VỰC IX

Mẫu số B01-DN

Số 279 đường 3/2, Phường 11, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		28.642.197.314	27.211.918.880
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		4.000.000	4.000.000
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216	7	4.000.000	4.000.000
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		28.375.274.747	26.871.106.691
1. Tài sản cố định hữu hình	221	8	15.666.391.508	16.105.424.258
Nguyên giá	222		19.403.908.946	19.407.508.946
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(3.737.517.438)	(3.302.084.688)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
Nguyên giá	225		-	-
Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	9	12.708.883.239	10.765.682.433
Nguyên giá	228		14.402.560.910	12.153.568.910
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1.693.677.671)	(1.387.886.477)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
Nguyên giá	231		-	-
Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		-	-
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		-	-
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		262.922.567	336.812.189
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	10	262.922.567	336.812.189
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		40.199.853.607	40.113.764.756

CÔNG TY TNHH MTV HOA TIÊU HÀNG HẢI KHU VỰC IX

Mẫu số B01-DN

Số 279 đường 3/2, Phường 11, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		2.371.181.185	2.285.092.334
I. Nợ ngắn hạn	310		2.371.181.185	2.285.092.334
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	11	-	83.230.400
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		-	-
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	12	411.436.223	119.023.809
4. Phải trả người lao động	314		1.434.395.910	1.317.141.113
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		-	-
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319		425.425	712.745
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320		-	-
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	13	524.923.627	764.984.267
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		-	-
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337		-	-
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		-	-
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học công nghệ	343		-	-

CÔNG TY TNHH MTV HOA TIÊU HÀNG HẢI KHU VỰC IX

Mẫu số B01-DN

Số 279 đường 3/2, Phường 11, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		37.828.672.422	37.828.672.422
I. Vốn chủ sở hữu	410	14	37.828.672.422	37.828.672.422
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		37.828.672.422	37.828.672.422
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		-	-
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		-	-
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		-	-
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		-	-
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		40.199.853.807	40.113.764.756

Thái Thị Hoa
Người lập

Thái Thị Hoa
Phụ trách Kế toán

Phan Minh Tuấn
Giám đốc

Bà Rịa Vũng Tàu, ngày 01 tháng 02 năm 2021

BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính : VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	15.1	12.780.380.892	11.716.217.151
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	15.1	12.780.380.892	11.716.217.151
4. Giá vốn hàng bán	11	16	6.282.958.219	5.645.130.705
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		6.497.422.673	6.071.086.446
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	15.2	677.071.001	715.805.656
7. Chi phí tài chính	22		-	-
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		-	-
8. Chi phí bán hàng	25		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	17	6.887.733.468	6.663.140.173
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		286.760.206	123.751.929
11. Thu nhập khác	31		400	2.000.000
12. Chi phí khác	32		-	819
13. Lợi nhuận khác	40		400	1.999.181
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		286.760.606	125.751.110
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	19	43.739.880	27.012.595
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		243.020.726	98.738.515

Thái Thị Hoa
Người lập

Thái Thị Hoa
Phụ trách Kế toán

Phan Minh Tuấn
Giám đốc

Bà Rịa Vũng Tàu, ngày 01 tháng 02 năm 2021

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Theo phương pháp gián tiếp
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		286.760.606	125.751.110
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	8;9	776.178.489	830.314.529
- Các khoản dự phòng	03		-	-
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại	04		-	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	15.2	(677.071.001)	(715.805.656)
- Chi phí lãi vay	06		-	-
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		385.868.094	240.259.983
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(829.469.899)	914.150.311
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		-	-
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		326.149.491	(22.790.435)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		73.889.622	189.692.210
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14		-	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		-	(663.625.493)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		200.000.000	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(683.081.366)	(1.566.015.395)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(526.644.058)	(908.328.819)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(2.280.346.545)	-
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	7	(13.600.000.000)	(11.694.465.754)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		15.028.168.536	13.366.297.218
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		618.695.220	740.947.738
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(233.482.789)	2.412.779.202

Công ty TNHH MTV Hoa tiêu hàng hải khu vực IX

Mẫu số B03-DN

Số 279 đường 3/2, Phường 11, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33		-	-
4. Tiền trả nợ gốc	34		-	-
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	(1.580.691.152)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		-	(1.580.691.152)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		(760.126.847)	(76.240.769)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	4	1.473.512.133	1.549.752.902
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	4	713.385.286	1.473.512.133

Thái Thị Hoa
Người lập

Thái Thị Hoa
Phụ trách Kế toán

Phan Minh Tuấn
Giám đốc

Bà Rịa Vũng Tàu, ngày 01 tháng 02 năm 2021

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

1. THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP

Công ty TNHH MTV Hoa tiêu hàng hải khu vực IX (sau đây gọi tắt là "Công ty") tiền thân là Công ty Hoa tiêu khu vực IX, là công ty Nhà nước được thành lập theo Quyết định số 1552/QĐ-BGTVT ngày 02 tháng 6 năm 2008 thuộc Bộ Giao thông Vận tải. Ngày 25 tháng 6 năm 2010, Bộ Giao thông vận tải ban hành Quyết định số 1769/QĐ-BGTVT về việc chuyển đổi Công ty Hoa tiêu khu vực IX thành Công ty TNHH Một thành viên Hoa tiêu Hàng hải khu vực IX.

Ngày 24 tháng 10 năm 2011 theo quyết định số 2399/QĐ-BGTVT của Bộ trưởng Bộ Giao thông Vận tải, Công ty TNHH MTV Hoa tiêu Hàng hải khu vực IX được chuyển về làm đơn vị thành viên của Tổng công ty Bảo đảm an toàn hàng hải miền Nam.

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3500997973 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp lần đầu ngày 02 tháng 12 năm 2008, và theo các Giấy Chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp điều chỉnh sau:

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp	Số giấy chứng nhận	Ngày cấp	Vốn điều lệ (VND)
Đăng ký lần đầu	3500997973	02/12/2008	28.018.072.422
Điều chỉnh lần thứ nhất	3500997973	29/10/2010	28.018.072.422
Điều chỉnh lần thứ hai	3500997973	01/10/2012	28.018.072.422
Điều chỉnh lần thứ ba	3500997973	19/03/2015	28.018.072.422
Điều chỉnh lần thứ tư	3500997973	03/07/2017	28.018.072.422
Điều chỉnh lần thứ năm	3500997973	21/03/2019	37.828.672.422

Chủ sở hữu	Giá trị vốn góp (VND)	Tỷ lệ (%)
Tổng công ty Bảo đảm an toàn Hàng hải Miền Nam	37.828.672.422	100,00

Hoạt động chính được đăng ký theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp:

- Cung cấp dịch vụ dẫn dắt tàu biển ra vào cảng, khu neo đậu tàu, chuyển tải thuộc khu vực dầu khí phía Nam và các tuyến dẫn tàu được giao;
- Dịch vụ đào tạo hoa tiêu và cung ứng lao động;
- Dịch vụ lai dắt tàu biển;
- Dịch vụ đại lý và môi giới hàng hải; Kinh doanh cơ sở lưu trú du lịch; Kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa; Cho thuê phương tiện vận tải đường bộ, đường thủy.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Công ty có trụ sở chính tại: Số 279 đường 3/2, Phường 11, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 là 32 người, ngày 31 tháng 12 năm 2019 là 35 người.

CÔNG TY TNHH MTV HOA TIÊU HÀNG HẢI KHU VỰC IX

Thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính của Công ty được lập và trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ Kế toán doanh nghiệp được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính và các Chuẩn mực kế toán có liên quan do Bộ Tài chính ban hành.

Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp tại Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài Chính cũng như các Thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán doanh nghiệp của Bộ Tài Chính trong việc lập Báo cáo Tài chính.

2.2 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty là Nhật ký chung.

2.3 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.4 Đơn vị tiền tệ trong kế toán

Báo cáo tài chính được lập bằng đơn vị tiền tệ trong kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam ("VND").

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và các khoản tiền gửi không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3.2 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc. Sau khi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các khoản suy giảm giá trị của khoản đầu tư nếu phát sinh được hạch toán vào chi phí trong kỳ và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

3.3 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến khả năng thu hồi suy giảm tại ngày kết thúc kỳ kế toán, được lập theo hướng dẫn của Thông tư số 48/2019/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 08 tháng 8 năm 2019. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên Báo cáo tài chính.

3.4 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sẵn sàng hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

CÔNG TY TNHH MTV HOA TIÊU HÀNG HẢI KHU VỰC IX

Thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và các khoản lãi lỗ phát sinh do thanh lý tài sản được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3.5 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sẵn sàng hoạt động như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa giá thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất được ghi nhận như một tài sản vô hình thể hiện giá trị của quyền sử dụng đất đã được Công ty thuê. Thời gian hữu dụng của Quyền sử dụng đất được đánh giá theo thời hạn sử dụng hữu hạn hoặc vô thời hạn. Theo đó, quyền sử dụng đất có thời hạn là quyền sử dụng đất đã thuê và được khấu trừ theo thời hạn thuê, trong khi quyền sử dụng đất vô thời hạn thì không khấu hao.

3.6 Khấu hao

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

- Nhà cửa và vật kiến trúc	50 năm
- Phương tiện vận tải	10 năm
- Thiết bị quản lý	03-08 năm
- Quyền sử dụng đất	41,7 năm

3.7 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

3.8 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.9 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán.
- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch.

CÔNG TY TNHH MTV HOA TIÊU HÀNG HẢI KHU VỰC IX

Thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

- Giao dịch góp vốn hoặc nhận vốn góp được hạch toán theo tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi doanh nghiệp mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư.
- Giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả) được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của Bảng cân đối kế toán theo nguyên tắc sau:

- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.
- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3.10 Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu: Được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của chủ sở hữu và do doanh nghiệp tự bổ sung theo quyết định của chủ sở hữu.

3.11 Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chi cho chủ sở hữu sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

- Quỹ Đầu tư và phát triển: Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty
- Quỹ Khen thưởng và Phúc lợi: Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên, và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán.

3.12 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm tài chính.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

CÔNG TY TNHH MTV HOA TIÊU HÀNG HẢI KHU VỰC IX

Thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

3.13 Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ là tổng chi phí phát sinh của dịch vụ cung cấp cho khách hàng trong kỳ, được ghi nhận theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu và nguyên tắc thận trọng.

3.14 Chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung chủ yếu bao gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý, khấu hao tài sản cố định, chi phí vật liệu - công cụ - dụng cụ dùng cho quản lý.

3.15 Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế Thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") hiện hành áp dụng cho Công ty như sau: Công ty nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất phổ thông là 20% trên lợi nhuận chịu thuế.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Tiền mặt	201.072.444	183.459.856
Tiền gửi ngân hàng	512.312.842	1.290.052.277
TỔNG CỘNG	713.385.286	1.473.512.133

5. ĐẦU TƯ NĂM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN

	<i>Số cuối năm</i>		<i>Số đầu năm</i>	
	<i>Giá gốc</i>	<i>Dự phòng</i>	<i>Giá gốc</i>	<i>Dự phòng</i>
Tiền gửi có kỳ hạn từ 3 tháng đến 12 tháng	8.400.000.000	-	9.828.168.536	-
TỔNG CỘNG	8.400.000.000	-	9.828.168.536	-

6. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG

	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
<u>Ngắn hạn</u>		
Phải thu từ các bên liên quan	-	-
Phải thu của khách hàng khác	1.825.724.279	1.107.617.409
- Công ty Cổ phần Dầu khí Vũng Tàu PVTrans	597.428.886	344.808.571
- Công ty Cổ phần Logistic Chim Ưng	458.680.782	249.418.770
- Công ty TNHH Quản lý tiếp vận Liên Minh	151.370.266	154.642.922
- Công ty TNHH Thương mại Vĩnh Khang	330.371.455	155.565.903
- Công ty Cổ phần Vận tải dầu Phương Đông Việt	160.624.137	154.560.606
- Công ty TNHH MTV Điều hành - Thăm dò - Khai thác Dầu khí Trong Nước	127.248.753	48.620.637
TỔNG CỘNG	1.825.724.279	1.107.617.409

CÔNG TY TNHH MTV HOA TIÊU HÀNG HẢI KHU VỰC IX

Thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Dài hạn**TỔNG CỘNG**

-	-
---	---

7. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC*Số cuối năm**Số đầu năm***Ngắn hạn****Phải thu khác từ các bên liên quan**

-

-

Phải thu khác**521.638.815****351.900.005**

- Dự thu lãi tiền gửi ngân hàng

302.172.055

243.796.274

- Thuế Thu nhập cá nhân phải thu

219.240.132

100.101.608

- BHXH - BHYT - BHTN phải thu

226.628

226.632

- Phải thu ngắn hạn khác

-

7.775.491

TỔNG CỘNG**521.638.815****351.900.005****Dài hạn****Phải thu các bên liên quan**

-

-

Phải thu khác**4.000.000****4.000.000**

Ký quỹ, ký cược dài hạn

4.000.000

4.000.000

TỔNG CỘNG**4.000.000****4.000.000****8. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tổng cộng
Nguyên giá				
Tại 01/01/2020	17.718.470.737	1.342.679.766	346.358.443	19.407.508.946
Mua trong năm	-	-	31.354.545	31.354.545
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(34.954.545)	(34.954.545)
Tại 31/12/2020	17.718.470.737	1.342.679.766	342.758.443	19.403.908.946
TSCĐ hết khấu hao nhưng còn sử dụng	-	1.342.679.766	95.880.717	1.438.560.483
Hao mòn lũy kế				
Tại 01/01/2020	1.792.101.002	1.297.666.695	212.316.991	3.302.084.688
Trích khấu hao	374.133.924	45.013.071	51.240.300	470.387.295
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(34.954.545)	(34.954.545)
Tại 31/12/2020	2.166.234.926	1.342.679.766	228.602.746	3.737.517.438
Giá trị còn lại				
Tại 01/01/2020	15.926.369.735	45.013.071	134.041.452	16.105.424.258
Tại 31/12/2020	15.552.235.811	-	114.155.697	15.666.391.508

CÔNG TY TNHH MTV HOA TIÊU HÀNG HẢI KHU VỰC IX

Thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

9. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

Tài sản cố định vô hình là giá trị quyền sử dụng đất do chuyển đổi mục đích sử dụng, từ đất nông nghiệp sang đất cơ sở kinh doanh để xây dựng Trụ sở văn phòng làm việc Công ty. Nguyên giá tăng trong năm là giá trị phải nộp bổ sung cho nội dung chuyển đổi trên đây theo thông báo LTB2071701-TK0028763/TB-CCT ngày 07/09/2020 của Chi cục thuế Tp. Vũng Tàu.

	<i>Số đầu năm</i>	<i>Tăng trong năm</i>	<i>Giảm trong năm</i>	<i>Số cuối năm</i>
Nguyên giá				
Quyền sử dụng đất	12.153.568.910	2.248.992.000		14.402.560.910
CỘNG	12.153.568.910	2.248.992.000	-	14.402.560.910
Giá trị hao mòn lũy kế				
Quyền sử dụng đất	1.387.886.477	305.791.194		1.693.677.671
CỘNG	1.387.886.477	305.791.194	-	1.693.677.671
Giá trị còn lại				
Quyền sử dụng đất	10.765.682.433			12.708.883.239
CỘNG	10.765.682.433			12.708.883.239

10. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
<u>Ngắn hạn</u>	-	-
TỔNG CỘNG	-	-
<u>Dài hạn</u>		
- Công cụ, dụng cụ	242.561.017	240.168.391
- Chi phí sửa chữa	20.361.550	96.643.798
TỔNG CỘNG	262.922.567	336.812.189

11. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
	<i>Giá trị</i>	<i>Giá trị</i>
<u>Ngắn hạn</u>		
Phải trả các bên liên quan	-	-
Phải trả người bán khác	-	83.230.400
- Doanh nghiệp tư nhân Long Phước	-	14.700.000
- Công ty TNHH TM và DV kỹ thuật Vĩnh Thắng	-	30.430.400
- Các nhà cung cấp khác	-	38.100.000
TỔNG CỘNG	-	83.230.400
<u>Dài hạn</u>	-	-
TỔNG CỘNG	-	-

CÔNG TY TNHH MTV HOA TIÊU HÀNG HẢI KHU VỰC IX

Thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

12. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Thuế giá trị gia tăng	24.056.690	623.479
Thuế thu nhập cá nhân	387.379.533	118.400.330
TỔNG CỘNG	411.436.223	119.023.809

Tình hình thực hiện nghĩa vụ Thuế và các khoản nộp Ngân sách Nhà nước của Công ty trong kỳ như sau :

	<i>Số đầu năm</i>	<i>Số phải nộp trong năm</i>	<i>Số đã nộp trong năm</i>	<i>Số cuối năm</i>
Thuế giá trị gia tăng phải nộp	623.479	94.280.515	70.847.304	24.056.690
Thuế thu nhập doanh nghiệp (*)	(130.987.405)	43.739.880		(87.247.525)
Thuế thu nhập cá nhân	118.400.330	814.636.048	545.656.845	387.379.533
Thuế nhà đất (*)	(9.660.388)			(9.660.388)
Thuế môn bài	-	3.000.000	3.000.000	-
TỔNG CỘNG	(21.623.984)	955.656.443	619.504.149	314.528.310

(*) Trong đó: Số nộp thừa được trình bày tại chỉ tiêu Thuế và các khoản phải thu của Nhà nước (mã số 153).

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Xem thuyết minh số 3.15 và thuyết minh số 19.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp thuế theo quy định.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

13. QUỸ KHEN THƯỞNG, PHÚC LỢI

	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Số đầu năm	764.984.267	2.235.046.272
- Quỹ thưởng Người quản lý điều hành Công ty	12.785.480	116.314.763
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi người lao động	752.198.787	2.118.731.509
Tăng quỹ trong năm	443.020.726	95.953.390
- Quỹ thưởng Người quản lý điều hành Công ty	-	-
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi người lao động	443.020.726	95.953.390
+ Trích từ nguồn lợi nhuận sau thuế	243.020.726	95.953.390
+ Khen thưởng từ chủ sở hữu	200.000.000	-
Chi quỹ	(683.081.366)	(1.566.015.395)
- Quỹ thưởng Người quản lý điều hành Công ty	-	(103.529.283)
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi người lao động	(683.081.366)	(1.462.486.112)
Số cuối năm	524.923.627	764.984.267
- Quỹ thưởng Người quản lý điều hành Công ty	12.785.480	12.785.480
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi người lao động	512.138.147	752.198.787

CÔNG TY TNHH MTV HOA TIÊU HÀNG HẢI KHU VỰC IX

Thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

14. VỐN CHỦ SỞ HỮU**14.1 Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
Năm trước				
Số đầu năm	37.828.672.422	588.965.090	-	38.417.637.512
Lãi trong năm trước	-	-	98.738.515	98.738.515
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	(95.953.390)	(95.953.390)
Nộp chênh lệch vốn Chủ sở hữu lớn hơn vốn điều lệ	-	(588.965.090)	-	(588.965.090)
Điều chỉnh thuế năm trước	-	-	(2.785.125)	(2.785.125)
Số cuối năm	37.828.672.422	-	-	37.828.672.422
Năm nay				
Số đầu năm	37.828.672.422	-	-	37.828.672.422
Lãi trong năm nay	-	-	243.020.726	243.020.726
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	(243.020.726)	(243.020.726)
Số cuối năm	37.828.672.422	-	-	37.828.672.422

14.2 Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Theo Giấy chứng nhận đăng ký KD		Thực tế góp (Mã số 411)	
	Số tiền vốn điều lệ (VND)	Sở hữu (%)	Vốn góp của Chủ sở hữu (VND)	Chênh lệch (VND)
Tổng Công ty Bảo đảm an toàn hàng hải miền Nam	37.828.672.422	100,00%	37.828.672.422	-
TỔNG CỘNG	37.828.672.422	100,00%	37.828.672.422	-

15. DOANH THU**15.1 Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm nay	Năm trước
Tổng doanh thu	12.780.380.892	11.716.217.151
<u>Trong đó:</u>		
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	12.780.380.892	11.716.217.151
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-
Doanh thu thuần	12.780.380.892	11.716.217.151
<u>Trong đó:</u>		
- Doanh thu đối với các bên liên quan	-	-
- Doanh thu dịch vụ Hoa tiêu	12.593.471.802	11.530.762.606
- Doanh thu khác	186.909.090	185.454.545

CÔNG TY TNHH MTV HOA TIÊU HÀNG HẢI KHU VỰC IX

Thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

15.2 Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi	677.071.001	715.805.656
TỔNG CỘNG	677.071.001	715.805.656

16. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm nay	Năm trước
Giá vốn dịch vụ cung cấp	6.282.958.219	5.645.130.705
TỔNG CỘNG	6.282.958.219	5.645.130.705

17. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên quản lý	3.524.857.836	2.921.998.780
Chi phí đồ dùng văn phòng	143.462.328	237.072.402
Chi phí khấu hao tài sản cố định	768.210.489	799.717.092
Thuế, phí và lệ phí	3.000.000	3.000.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.441.987.970	2.693.422.634
Các chi phí khác	6.214.845	7.929.265
TỔNG CỘNG	6.887.733.468	6.663.140.173

18. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân công	9.220.275.933	7.849.010.207
Chi phí khấu hao tài sản cố định	776.178.489	830.314.529
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.165.022.420	3.380.944.475
Chi phí khác bằng tiền	9.214.845	248.001.667
TỔNG CỘNG	13.170.691.687	12.308.270.878

19. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm nay	Năm trước
a) Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	286.760.606	125.751.110
Các khoản điều chỉnh tăng/(giảm) lợi nhuận kế toán		
b) Các khoản điều chỉnh tăng	25.667.109	9.311.865
Chi phí không được khấu trừ	25.667.109	9.311.865
c) Các khoản điều chỉnh giảm		
d) Lợi tức chịu thuế ước tính trong năm (a+b)	312.427.715	135.062.975
- Thuế TNDN từ hoạt động SXKD theo thuế suất phổ thông 20%	62.485.543	27.012.595
- Thuế TNDN được giảm 30% theo Nghị định 114/2020/NĐ-CP quy định chi tiết thi hành Nghị quyết 116/2020/QH14 về giảm thuế TNDN phải nộp của năm 2020	(18.745.663)	-
e) Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	43.739.880	27.012.595

CÔNG TY TNHH MTV HOA TIÊU HÀNG HẢI KHU VỰC IX

Thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

20. LƯƠNG NGƯỜI QUẢN LÝ, KIỂM SOÁT VIÊN

	Năm nay	Năm trước
- Quỹ tiền lương kế hoạch (a)	1.449.000.000	1.178.550.000
- Quỹ tiền lương thực hiện (tạm trích) (b)	1.695.330.000	1.309.500.000
- Quỹ tiền lương, thù lao, tiền thưởng được duyệt (c)	-	1.309.500.000

(a) Chủ sở hữu Công ty phê duyệt Quỹ tiền lương kế hoạch của người quản lý theo quyết định số 1426/QĐ-TCTĐATHHNM ngày 30/05/2019 (năm trước) và 293/QĐ-TCTĐATHHNM 03/04/2020 (năm nay).

(b) Chủ tịch Công ty phê duyệt Quỹ tiền lương thực hiện (tạm trích) của người quản lý theo quyết định số 433/QĐ-CTHTHHKV IX ngày 31/12/2019 (năm trước) và 375/QĐ-CTHTHHKV IX ngày 31/12/2020 (năm nay).

(c) Quỹ tiền lương thực hiện (chính thức) của người quản lý năm nay chưa được Chủ sở hữu phê duyệt. Năm trước được phê duyệt theo quyết định số 281/QĐ-TCTĐATHHNM ngày 31/3/2020.

21. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động.

Bên liên quan của Công ty bao gồm:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Tổng Công ty Đảm bảo an toàn Hàng hải Miền Nam	Chủ sở hữu
Chủ tịch, Ban Giám đốc, Kế toán trưởng	Thành viên quản lý chủ chốt

Các giao dịch trọng yếu giữa Công ty với các bên liên quan trong năm như sau:

Bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	Năm nay	Năm trước
Tổng Công ty Đảm bảo an toàn Hàng hải Miền Nam			
	Chuyển tiền lợi nhuận cho chủ sở hữu	-	1.580.691.152
	Nhận tiền khen thưởng	200.000.000	-

Các giao dịch với các bên liên quan khác

Thu nhập của Chủ tịch, Ban Giám đốc và Kế toán trưởng

	Năm nay	Năm trước
Lương và thưởng	1.244.760.656	1.052.164.812

22. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc Công ty khẳng định không có các sự kiện nào khác phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong Báo cáo tài chính của Công ty.

Thái Thị Hoa
Người lập

Bà Rịa Vũng Tàu, ngày 01 tháng 02 năm 2021

Thái Thị Hoa
Phụ trách Kế toán

Phan Minh Tuấn
Giám đốc